

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024”

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2024

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2024

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6**

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024” do Cục Thủy lợi quản lý. Đơn vị thực hiện là Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện năm 2024, gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ theo tuần/tháng tại các vị trí lấy mẫu trong tháng quan trắc. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, gửi cho đơn vị quản lý và các đơn KTCTTL tại các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 6 lấy mẫu ngày 13/4/2024. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2024

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỔ ĐỊNH ĐỢT 6**

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 13/4/2024

Ngày cung cấp TT: 14/4/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 13/4/2024 vào giai đoạn lấy nước tưới dưỡng cho lúa vụ Chiêm Xuân (01/3 – 3/5). Trong giai đoạn, Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải điều hành quy trình vận hành hệ thống như sau: Điều tiết nước hạ lưu Xuân Quan từ +1,8 đến +2,4 m; Thượng lưu Kênh Cầu từ +1,6 đến +2,2 m, Thượng lưu Bá Thủy từ +1,3 đến +1,7 m; Thượng lưu Neo từ +1,2 đến +1,6 m; Thượng lưu Cầu Xe, An Thổ Thượng lưu Bá Thủy từ +0,8 đến +1,0 m hoặc kết hợp lấy nước ngược; Âu Cầu Cát phục vụ giao thông thủy hoặc kết hợp lấy nước ngược.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cống Xuân Quan đóng, nước lấy vào hệ thống qua Âu thuyền bằng trạm bơm dã chiến Xuân Quan; Kênh Cầu, cống Tranh mở thông; Lược Điền, Bá Thủy, Âu Cầu Cát, An Thổ, Cầu Xe đóng kín; Các cống tiêu: Xuân Thụy mở đáy 3 cửa, Ngọc Đà và Bình Lâu mở thông; Ngọc Lâm đóng kín và Phần Hà đắp chặn dòng thi công cống và trạm bơm;

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 6
(So sánh với QCVN 08 :2023/BTNMT Bảng 2, mức B)**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	- Cống đóng, TB Xuân Quan đang bơm nước qua âu thuyền, dòng chảy yếu. Mục nước TL = 91cm; HL = 136 cm; - Nước có màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	25,9	7,04	5,5	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước sông Cầu Bày trước khi chảy ra sông Kim Sơn. Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm. 	<ul style="list-style-type: none"> Cống mở đáy 3 cửa, dòng chảy yếu. Mực nước TL = 135 cm; HL = 133 cm; Nước có màu đen kịt, mùi hôi thối, nhiều rác thải. Khi nhập lưu với sông Kim Sơn, tạo 2 mảng màu đen – xanh rõ rệt 	26,8	6,29	1,1	<ul style="list-style-type: none"> DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. Tăng cường lấy nước qua các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn. Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang 	<ul style="list-style-type: none"> Dòng chảy yếu theo hướng từ TB Như Quỳnh ra cầu Tăng Bảo. Nước màu đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải. 	26,6	6,72	2,8	<ul style="list-style-type: none"> DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. Bổ sung nước từ sông Đuống qua TB Phú Mỹ
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo 	<ul style="list-style-type: none"> Cống mở thông, dòng chảy yếu. Mực nước TL= 131 cm; HL =130 cm; Nước màu xanh nhạt lẫn vẩn màu xám đen, không có mùi lạ, mặt nước có váng dầu và rác thải. 	26,8	7,37	4,0	<ul style="list-style-type: none"> DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Lấy và trữ nước được cho SXNN. Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> Cổng mở thông 2 cửa, dòng trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cổng, nổi nhiều bọt trắng. 	26,4	6,71	1,5	<ul style="list-style-type: none"> DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS; Không nên mở cổng Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, không có rác thải. 	27,1	6,82	3,6	<ul style="list-style-type: none"> DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Có thể lấy nước phục vụ cho SXNN. Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
7	BHH7	Cổng Phần Hà	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> Đang thi công cống và TB. Nước lấy trên sông phía nội đồng. Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Nước có màu xanh lục, không có mùi lạ, không có rác thải. 	27,1	6,82	3,4	<ul style="list-style-type: none"> DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Có thể lấy nước phục vụ cho SXNN. Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL= 129 cm; HL= 105 cm. 	27,1	6,73	4,2	<ul style="list-style-type: none"> DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Lấy và trữ nước được cho SXNN. Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Nước màu xanh lục nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.				dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
9	BHH9	Cống Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cổng mở, dòng chảy yếu. - Nước màu đen kịt, mùi hôi thối, không có rác thải	26,8	6,46	1,1	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS - Không nên mở cống Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cống Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 129, HL= 12 cm. - Nước màu xanh lục nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	26,4	6,59	4,2	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được cho SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
11	BHH11	Cống An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 105 cm; HL= -28 cm - Nước màu xanh lục nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	27,3	6,99	5,0	- DO = 5 mg/l, đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước vào hệ thống. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 106 cm; HL= -30 cm	27,4	6,79	5,2	- DO > 5 mg/l, đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước vào hệ thống. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			Thái Bình.	- Nước màu xanh lục nhạt nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.				dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
13	BHH13	Cống Lục Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL= 129 cm; HL =125 cm. - Nước màu đen, mùi hôi, nhiều rác thải.	26,6	6,83	2,9	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải.	27,6	6,61	3,2	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước được SXNN. - Hạn chế lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cừ An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL= 118 cm; HL= 101 cm - Nước màu xanh lục nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	27,8	6,47	4,1	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được SXNN. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
QCVN 08:2023/BTNMT, mức B - Bảng 2				-	-	6,0-8,5	≥5	-

Ghi chú: - QCVN08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Bảng 2, Mức B: Chất lượng nước trung bình. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.